

BÁO CÁO

**Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết
của đại biểu HĐND các cấp về việc sắp xếp đơn vị hành chính
cấp xã của tỉnh Đắk Lắk**

Kính gửi:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ.

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

UBND tỉnh Đắk Lắk đã triển khai xây dựng Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã của tỉnh và tổ chức triển khai lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn tỉnh từ ngày 15/4 đến ngày 22/4/2025 theo Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh về việc tổ chức lấy ý kiến cử tri về nội dung Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Đắk Lắk; sau khi tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình, kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND các cấp về chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp xã của tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả, cụ thể như sau:

1. Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình

Tổng số lượng cử tri đại diện hộ gia đình: 472.000 đại biểu; số lượng cử tri đại diện hộ gia đình tổ chức lấy phiếu ý kiến: 463.906 đại biểu, đạt tỷ lệ 98,29%.

- Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý: 448,522 đại biểu, đạt tỷ lệ 95,03% (so với tổng số lượng cử tri đại diện hộ gia đình), đạt tỷ lệ 96,68% (so với số lượng cử tri đại diện hộ gia đình tổ chức lấy phiếu ý kiến).

- Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình không đồng ý: 15.298 đại biểu, đạt tỷ lệ 3,24% (so với tổng số lượng cử tri đại diện hộ gia đình), đạt tỷ lệ 3,30% (so với số lượng cử tri đại diện hộ gia đình tổ chức lấy phiếu ý kiến).

- Ý kiến khác: 86 đại biểu, đạt tỷ lệ 0,02% (so với tổng số lượng cử tri đại diện hộ gia đình), đạt tỷ lệ 0,02% (so với tổng số lượng cử tri đại diện hộ gia đình).

2. Số lượng đại biểu HĐND cấp xã

Tổng số lượng đại biểu HĐND cấp xã: 4.272 đại biểu; số lượng đại biểu tham dự họp: 3.955 đại biểu, đạt tỷ lệ 92,58%.

- Số lượng đại biểu đồng ý: 3.896 đại biểu, đạt tỷ lệ 91,19% (so với tổng số lượng đại biểu HĐND), đạt tỷ lệ 98,50% (so với tổng số lượng đại biểu HĐND tham dự họp).

- Số đại biểu không đồng ý: 59 đại biểu, đạt tỷ lệ 1,50%.

3. Số lượng đại biểu HĐND cấp huyện

Tổng số lượng đại biểu HĐND cấp huyện: 456 đại biểu; số lượng đại biểu tham dự họp: 408 đại biểu, đạt tỷ lệ 89,47%.

- Số lượng đại biểu đồng ý: 407 đại biểu, đạt tỷ lệ 89,25% (so với tổng số lượng đại biểu HĐND), đạt tỷ lệ 99,75% (so với tổng số lượng đại biểu HĐND tham dự họp).

- Số đại biểu không đồng ý: 01 đại biểu, đạt tỷ lệ 0,25%.

4. Số lượng đại biểu HĐND cấp tỉnh

Tổng số lượng đại biểu HĐND cấp huyện: 74 đại biểu; số lượng đại biểu tham dự họp: 69 đại biểu, đạt tỷ lệ 93,24%.

- Số lượng đại biểu đồng ý: 69 đại biểu, đạt tỷ lệ 93,248% (so với tổng số lượng đại biểu HĐND), đạt tỷ lệ 100% (so với tổng số lượng đại biểu HĐND tham dự họp).

- Số đại biểu không đồng ý: 0 đại biểu.

(Kèm theo bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND các cấp về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Đắk Lắk).

5. Nhận xét, đánh giá

UBND tỉnh Đắk Lắk đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện lấy ý kiến Nhân dân (đại diện hộ gia đình) về chủ trương sắp xếp ĐVHC theo đúng quy định; quá trình lấy ý kiến Nhân dân được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng quy định và đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch, đạt được đa số Nhân dân đồng thuận cao.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND các cấp về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Đắk Lắk. /

Nơi nhận: 

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh Phú Yên (để phối hợp);
- BCĐ triển khai XD Đề án của Tỉnh ủy (B/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng và Trung tâm thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NVKS (HV 03b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục
TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI, KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP VỀ VIỆC
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮC LẮK
(Kèm theo Báo cáo số 133/BC-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	TỔNG TỈNH	472.000	463.906	98,29%	448.522	95,03%	96,68%	15.298	3,24%	3,30%	86	0,02%	0,02%
1	PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT	32.405	32.405	100,00%	32.217	99,42%	99,42%	169	0,52%	0,52%	19	0,06%	0,06%
	Phường Thành Công	4.526	4.526	100,00%	4.517	99,80%	99,80%	9	0,20%	0,20%	-	0,00%	0,00%
	Phường Tân Tiến	5.069	5.069	100,00%	5.056	99,74%	99,74%	13	0,26%	0,26%	-	0,00%	0,00%
	Phường Tân Thành	4.163	4.163	100,00%	4.144	99,54%	99,54%	19	0,46%	0,46%	-	0,00%	0,00%
	Phường Tự An	4.485	4.485	100,00%	4.454	99,31%	99,31%	31	0,69%	0,69%	-	0,00%	0,00%
	Phường Tân Lợi	8.930	8.930	100,00%	8.919	99,88%	99,88%	11	0,12%	0,12%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Êbur	5.232	5.232	100,00%	5.127	97,99%	97,99%	86	1,64%	1,64%	19	0,36%	0,36%
2	PHƯỜNG TÂN AN	12.750	12.750	100,00%	12.631	99,07%	99,07%	85	0,67%	0,67%	34	0,27%	0,27%
	Phường Tân An	4.371	4.371	100,00%	4.349	99,50%	99,50%	22	0,50%	0,50%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Tu	4.364	4.364	100,00%	4.307	98,69%	98,69%	23	0,53%	0,53%	34	0,78%	0,78%
	Xã Hòa Thuận	4.015	4.015	100,00%	3.975	99,00%	99,00%	40	1,00%	1,00%	-	0,00%	0,00%
3	PHƯỜNG TÂN LẬP	13.930	13.930	100,00%	13.840	99,35%	99,35%	90	0,65%	0,65%	-	0,00%	0,00%
	Phường Tân Hòa	3.738	3.738	100,00%	3.734	99,89%	99,89%	4	0,11%	0,11%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Phường Tân Lập	5.635	5.635	100,00%	5.612	99,59%	99,59%	23	0,41%	0,41%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Thắng	4.557	4.557	100,00%	4.494	98,62%	98,62%	63	1,38%	1,38%	-	0,00%	0,00%
4	PHƯỜNG THÀNH NHẤT	9.745	9.745	100,00%	9.016	92,52%	92,52%	719	7,38%	7,38%	10	0,10%	0,10%
	Phường Thành Nhất	4.144	4.144	100,00%	3.900	94,11%	94,11%	244	5,89%	5,89%	-	0,00%	0,00%
	Phường Khánh Xuân	5.601	5.601	100,00%	5.116	91,34%	91,34%	475	8,48%	8,48%	10	0,18%	0,18%
5	PHƯỜNG EA KAO	10.756	10.756	100,00%	10.634	98,87%	98,87%	122	1,13%	1,13%	-	0,00%	0,00%
	Phường Ea Tam	6.205	6.205	100,00%	6.083	98,03%	98,03%	122	1,97%	1,97%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Kao	4.551	4.551	100,00%	4.551	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
6	XÃ HÒA PHÚ	10.446	10.446	100,00%	10.341	98,99%	98,99%	105	1,01%	1,01%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Xuân	1.891	1.891	100,00%	1.882	99,52%	99,52%	9	0,48%	0,48%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Phú	4.449	4.449	100,00%	4.446	99,93%	99,93%	3	0,07%	0,07%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Khánh	4.106	4.106	100,00%	4.013	97,74%	97,74%	93	2,26%	2,26%	-	0,00%	0,00%
7	PHƯỜNG BUỒN HỒ	12.130	12.130	100,00%	11.820	97,44%	97,44%	296	2,44%	2,44%	14	0,12%	0,12%
	Phường An Bình	2.565	2.565	100,00%	2.557	99,69%	99,69%	8	0,31%	0,31%	-	0,00%	0,00%
	Phường An Lạc	2.147	2.147	100,00%	2.147	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Phường Đạt Hiếu	1.956	1.956	100,00%	1.955	99,95%	99,95%	1	0,05%	0,05%	-	0,00%	0,00%
	Phường Đoàn Kết	830	830	100,00%	828	99,76%	99,76%	2	0,24%	0,24%	-	0,00%	0,00%
	Phường Thiện An	1.383	1.383	100,00%	1.381	99,86%	99,86%	2	0,14%	0,14%	-	0,00%	0,00%
	Phường Thống Nhất	3.249	3.249	100,00%	2.952	90,86%	90,86%	283	8,71%	8,71%	14	0,43%	0,43%
8	PHƯỜNG CỬ BAO	7.491	7.491	100,00%	7.402	98,81%	98,81%	89	1,19%	1,19%	-	0,00%	0,00%
	Phường Bình Tân	1.519	1.519	100,00%	1.486	97,83%	97,83%	33	2,17%	2,17%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Bình Thuận	2.961	2.961	100,00%	2.908	98,21%	98,21%	53	1,79%	1,79%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Bao	3.011	3.011	100,00%	3.008	99,90%	99,90%	3	0,10%	0,10%	-	0,00%	0,00%
9	XÃ EA DRÔNG	4.784	4.784	100,00%	4.719	98,64%	98,64%	65	1,36%	1,36%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Drông	3.212	3.212	100,00%	3.165	98,54%	98,54%	47	1,46%	1,46%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Siên	1.572	1.572	100,00%	1.554	98,85%	98,85%	18	1,15%	1,15%	-	0,00%	0,00%
10	XÃ EA SÚP	7.236	6.984	96,52%	6.942	95,94%	99,40%	38	0,53%	0,54%	4	0,06%	0,06%
	Thị trấn Ea Súp	3.107	3.107	100,00%	3.106	99,97%	99,97%	1	0,03%	0,03%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư M' Lan	1.452	1.312	90,36%	1.307	90,01%	99,62%	1	0,07%	0,08%	4	0,28%	0,30%
	Xã Ea Lê	2.677	2.565	95,82%	2.529	94,47%	98,60%	36	1,34%	1,40%	-	0,00%	0,00%
11	XÃ EA RÓK	5.941	5.758	96,92%	5.741	96,63%	99,70%	17	0,29%	0,30%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Kbang	2.590	2.582	99,69%	2.577	99,50%	99,81%	5	0,19%	0,19%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Rók	2.311	2.311	100,00%	2.311	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ia Lơi	1.040	865	83,17%	853	82,02%	98,61%	12	1,15%	1,39%	-	0,00%	0,00%
12	XÃ EA BUNG	2.455	2.265	92,26%	2.247	91,53%	99,21%	18	0,73%	0,79%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Bung	1.040	1.039	99,90%	1.039	99,90%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ya Tờ Mốt	1.415	1.226	86,64%	1.208	85,37%	98,53%	18	1,27%	1,47%	-	0,00%	0,00%
13	XÃ IA RVÊ	1.637	1.637	100,00%	1.635	99,88%	99,88%	0	0,00%	0,00%	2	0,12%	0,12%
14	XÃ IA LÓP	1.798	1.796	99,89%	1.796	99,89%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
15	XÃ EA WER	6.828	6.393	93,63%	5.354	78,41%	83,75%	1.036	15,17%	16,21%	3	0,04%	0,05%
	Xã Ea Huar	1.071	1.071	100,00%	116	10,83%	10,83%	955	89,17%	89,17%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Wer	2.794	2.380	85,18%	2.371	84,86%	99,62%	9	0,32%	0,38%	-	0,00%	0,00%
	Xã Tân Hòa	2.963	2.942	99,29%	2.867	96,76%	97,45%	72	2,43%	2,45%	3	0,10%	0,10%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
16	XÃ EA NUÔL	9.217	8.978	97,41%	8.884	96,39%	98,95%	94	1,02%	1,05%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cuôr Knia	1.813	1.739	95,92%	1.739	95,92%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Bar	4.143	3.978	96,02%	3.947	95,27%	99,22%	31	0,75%	0,78%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Nuôl	3.261	3.261	100,00%	3.198	98,07%	98,07%	63	1,93%	1,93%	-	0,00%	0,00%
17	XÃ BUÔN ĐÔN	1.706	1.320	77,37%	1.306	76,55%	98,94%	14	0,82%	1,06%	-	0,00%	0,00%
18	XÃ EA KIẾT	2.197	2.168	98,68%	2.121	96,54%	97,83%	47	2,14%	2,17%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Kiết	223	223	100,00%	223	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Kuêh	1.974	1.945	98,53%	1.898	96,15%	97,58%	47	2,38%	2,42%	-	0,00%	0,00%
19	XÃ EA M'DROH	6.867	6.480	94,36%	6.402	93,23%	98,80%	78	1,14%	1,20%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea M'Droh	1.695	1.694	99,94%	1.690	99,71%	99,76%	4	0,24%	0,24%	-	0,00%	0,00%
	Xã Quảng Hiệp	3.055	2.793	91,42%	2.792	91,39%	99,96%	1	0,03%	0,04%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea M'ngang	2.117	1.993	94,14%	1.920	90,69%	96,34%	73	3,45%	3,66%	-	0,00%	0,00%
20	XÃ QUẢNG PHÚ	12.576	12.244	97,36%	11.557	91,90%	94,39%	687	5,46%	5,61%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Ea pók	3.624	3.594	99,17%	2.967	81,87%	82,55%	627	17,30%	17,45%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Suê	2.766	2.766	100,00%	2.737	98,95%	98,95%	29	1,05%	1,05%	-	0,00%	0,00%
	Xã Quảng Tiến	1.777	1.777	100,00%	1.776	99,94%	99,94%	1	0,06%	0,06%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Quảng Phú	4.409	4.107	93,15%	4.077	92,47%	99,27%	30	0,68%	0,73%	-	0,00%	0,00%
21	XÃ CUÔI ĐĂNG	6.252	5.872	93,92%	5.401	86,39%	91,98%	471	7,53%	8,02%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Drong	3.428	3.111	90,75%	2.642	77,07%	84,92%	469	13,68%	15,08%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cuôr Đăng	2.824	2.761	97,77%	2.759	97,70%	99,93%	2	0,07%	0,07%	-	0,00%	0,00%
22	XÃ CƯ M'GAR	6.488	6.439	99,24%	4.838	74,57%	75,14%	1.601	24,68%	24,86%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư M'gar	2.099	2.098	99,95%	1.333	63,51%	63,54%	765	36,45%	36,46%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Ea Kpam	1.949	1.901	97,54%	1.900	97,49%	99,95%	1	0,05%	0,05%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea H'đing	2.440	2.440	100,00%	1.605	65,78%	65,78%	835	34,22%	34,22%	-	0,00%	0,00%
23	XÃ EA TUL	7.165	7.073	98,72%	6.569	91,68%	92,87%	504	7,03%	7,13%	-	0,00%	0,00%
	Ea Tar	2.096	2.096	100,00%	1.607	76,67%	76,67%	489	23,33%	23,33%	-	0,00%	0,00%
	Ea Tul	2.646	2.587	97,77%	2.573	97,24%	99,46%	14	0,53%	0,54%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Liê M'nhông	2.423	2.390	98,64%	2.389	98,60%	99,96%	1	0,04%	0,04%	-	0,00%	0,00%
24	XÃ PONG DRANG	6.726	6.222	92,51%	6.193	92,08%	99,53%	29	0,43%	0,47%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Pong Drang	4.724	4.382	92,76%	4.358	92,25%	99,45%	24	0,51%	0,55%	-	0,00%	0,00%
	Xã Tân Lập	930	930	100,00%	925	99,46%	99,46%	5	0,54%	0,54%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Ngai	1.072	910	84,89%	910	84,89%	100,00%		0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
25	XÃ KRÔNG BÚC	6.642	6.638	99,94%	6.579	99,05%	99,11%	59	0,89%	0,89%	-	0,00%	0,00%
	Xã Chư Kbo	2.876	2.872	99,86%	2.864	99,58%	99,72%	8	0,28%	0,28%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Né	3.766	3.766	100,00%	3.715	98,65%	98,65%	51	1,35%	1,35%	-	0,00%	0,00%
26	XÃ CƯ PONG	3.715	3.651	98,28%	3.622	97,50%	99,21%	29	0,78%	0,79%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Pong	2.893	2.882	99,62%	2.882	99,62%	100,00%		0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Sin	822	769	93,55%	740	90,02%	96,23%	29	3,53%	3,77%	-	0,00%	0,00%
27	XÃ EA KHÃL	6.294	6.291	99,95%	6.282	99,81%	99,86%	9	0,14%	0,14%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Nam	2.678	2.675	99,89%	2.674	99,85%	99,96%	1	0,04%	0,04%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Khâl	2.215	2.215	100,00%	2.215	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Tìr	1.401	1.401	100,00%	1.393	99,43%	99,43%	8	0,57%	0,57%	-	0,00%	0,00%
28	XÃ EA DRĂNG	11.497	11.129	96,80%	11.087	96,43%	99,62%	42	0,37%	0,38%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Ea Drăng	5.133	4.778	93,08%	4.758	92,69%	99,58%	20	0,39%	0,42%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Dliê Yang	2.338	2.325	99,44%	2.303	98,50%	99,05%	22	0,94%	0,95%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Ral	4.026	4.026	100,00%	4.026	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
29	XÃ EA WY	6.545	6.408	97,91%	6.361	97,19%	99,27%	47	0,72%	0,73%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Mốt	2.129	2.109	99,06%	2.064	96,95%	97,87%	45	2,11%	2,13%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Wy	3.005	3.005	100,00%	3.004	99,97%	99,97%	1	0,03%	0,03%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư A Mung	1.411	1.294	91,71%	1.293	91,64%	99,92%	1	0,07%	0,08%	-	0,00%	0,00%
30	XÃ EA HLEO	3.569	3.569	100,00%	3.566	99,92%	99,92%	3	0,08%	0,08%	-	0,00%	0,00%
31	XÃ EAO HIAO	6.268	6.268	100,00%	5.922	94,48%	94,48%	346	5,52%	5,52%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Hiao	2.903	2.903	100,00%	2.836	97,69%	97,69%	67	2,31%	2,31%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Sol	3.365	3.365	100,00%	3.086	91,71%	91,71%	279	8,29%	8,29%	-	0,00%	0,00%
32	XÃ KRÔNG NĂNG	9.254	8.687	93,87%	8.634	93,30%	99,39%	53	0,57%	0,61%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Krông Năng	3.670	3.117	84,93%	3.104	84,58%	99,58%	13	0,35%	0,42%	-	0,00%	0,00%
	Xã Phú Lộc	2.925	2.911	99,52%	2.905	99,32%	99,79%	6	0,21%	0,21%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Hồ	2.659	2.659	100,00%	2.625	98,72%	98,72%	34	1,28%	1,28%	-	0,00%	0,00%
33	XÃ DLIÊ YA	9.193	8.885	96,65%	8.853	96,30%	99,64%	32	0,35%	0,36%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Tóh	3.019	2.929	97,02%	2.926	96,92%	99,90%	3	0,10%	0,10%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Tân	2.276	2.276	100,00%	2.247	98,73%	98,73%	29	1,27%	1,27%	-	0,00%	0,00%
	Xã Dliêya	3.898	3.680	94,41%	3.680	94,41%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
34	XÃ TAM GIANG	5.668	5.483	96,74%	3.767	66,46%	68,70%	1.716	30,28%	31,30%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Klông	1.470	1.430	97,28%	1.240	84,35%	86,71%	190	12,93%	13,29%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Tam	2.508	2.474	98,64%	2.428	96,81%	98,14%	46	1,83%	1,86%	-	0,00%	0,00%
	Xã Tam Giang	1.690	1.579	93,43%	99	5,86%	6,27%	1480	87,57%	93,73%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
35	XÃ PHÚ XUÂN	7.426	7.184	96,74%	5.714	76,95%	79,54%	1.470	19,80%	20,46%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Púk	1.246	1.212	97,27%	108	8,67%	8,91%	1104	88,60%	91,09%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Dăh	2.003	1.974	98,55%	1.613	80,53%	81,71%	361	18,02%	18,29%	-	0,00%	0,00%
	Xã Phú Xuân	4.177	3.998	95,71%	3.993	95,59%	99,87%	5	0,12%	0,13%	-	0,00%	0,00%
36	XÃ KRÔNG PẮC	13.391	13.341	99,63%	13.312	99,41%	99,78%	29	0,22%	0,22%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Phước An	4.431	4.381	98,87%	4.364	98,49%	99,61%	17	0,38%	0,39%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Yông	4.157	4.157	100,00%	4.148	99,78%	99,78%	9	0,22%	0,22%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa An	2.848	2.848	100,00%	2.848	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Tiến	1.955	1.955	100,00%	1.952	99,85%	99,85%	3	0,15%	0,15%	-	0,00%	0,00%
37	XÃ EA KNUẾC	8.825	8.825	100,00%	8.800	99,72%	99,72%	25	0,28%	0,28%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Knuéc	2.793	2.793	100,00%	2.780	99,53%	99,53%	13	0,47%	0,47%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Đông	3.073	3.073	100,00%	3.061	99,61%	99,61%	12	0,39%	0,39%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Kênh	2.959	2.959	100,00%	2.959	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
38	XÃ TÂN TIẾN	5.754	5.642	98,05%	5.604	97,39%	99,33%	38	0,66%	0,67%	-	0,00%	0,00%
	Xã Tân Tiến	2.721	2.713	99,71%	2.695	99,04%	99,34%	18	0,66%	0,66%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Uy	1.607	1.530	95,21%	1.510	93,96%	98,69%	20	1,24%	1,31%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ylêng	1.426	1.399	98,11%	1.399	98,11%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
39	XÃ EA PHÊ	9.830	9.773	99,42%	9.768	99,37%	99,95%	5	0,05%	0,05%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Kuãng	2.894	2.894	100,00%	2.894	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Hiu	1.446	1.405	97,16%	1.405	97,16%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Phê	5.490	5.474	99,71%	5.469	99,62%	99,91%	5	0,09%	0,09%	-	0,00%	0,00%
40	XÃ EA KLY	8.286	8.286	100,00%	8.274	99,86%	99,86%	12	0,14%	0,14%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Krông Búk	3.322	3.322	100,00%	3.314	99,76%	99,76%	8	0,24%	0,24%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Kly	4.964	4.964	100,00%	4.960	99,92%	99,92%	4	0,08%	0,08%	-	0,00%	0,00%
41	XÃ VỤ BÓN	4.074	4.074	100,00%	4.073	99,98%	99,98%	1	0,02%	0,02%	-	0,00%	0,00%
42	XÃ EA KAR	18.309	17.689	96,61%	16.943	92,54%	95,78%	746	4,07%	4,22%	-	0,00%	0,00%
	Xã Xuân Phú	1.413	1.300	92,00%	1.265	89,53%	97,31%	35	2,48%	2,69%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Đar	3.250	3.250	100,00%	3.227	99,29%	99,29%	23	0,71%	0,71%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Huê	2.731	2.481	90,85%	2.448	89,64%	98,67%	33	1,21%	1,33%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Ea Kar	3.203	3.157	98,56%	3.117	97,32%	98,73%	40	1,25%	1,27%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Ni	4.433	4.433	100,00%	3.869	87,28%	87,28%	564	12,72%	12,72%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Kmút	3.279	3.068	93,57%	3.017	92,01%	98,34%	51	1,56%	1,66%	-	0,00%	0,00%
43	XÃ EA Ô	5.229	5.035	96,29%	4.929	94,26%	97,89%	106	2,03%	2,11%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Ô	2.761	2.761	100,00%	2.761	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Elang	2.468	2.274	92,14%	2.168	87,84%	95,34%	106	4,29%	4,66%	-	0,00%	0,00%
44	XÃ EA KNÓP	8.142	7.842	96,32%	6.273	77,04%	79,99%	1.569	19,27%	20,01%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Ea Knóp	2.927	2.927	100,00%	2.854	97,51%	97,51%	73	2,49%	2,49%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Sô	831	831	100,00%	737	88,69%	88,69%	94	11,31%	11,31%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Tih	2.132	2.132	100,00%	2.127	99,77%	99,77%	5	0,23%	0,23%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Sar	2.252	1.952	86,68%	555	24,64%	28,43%	1397	62,03%	71,57%	-	0,00%	0,00%
45	XÃ CƯ YANG	3.495	3.495	100,00%	3.495	100,00%	100,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Yang	1.720	1.720	100,00%	1.720	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Bông	1.775	1.775	100,00%	1.775	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
46	XÃ EA PĂL	3.179	3.177	99,94%	3.176	99,91%	99,97%	1	0,03%	0,03%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Cư Prông	1.086	1.084	99,82%	1.084	99,82%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Păl	2.093	2.093	100,00%	2.092	99,95%	99,95%	1	0,05%	0,05%	-	0,00%	0,00%
47	XÃ M'DRẮK	5.059	5.032	99,47%	5.021	99,25%	99,78%	11	0,22%	0,22%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn M'Đrắk	1.633	1.606	98,35%	1.596	97,73%	99,38%	10	0,61%	0,62%		0,00%	0,00%
	Xã Ea Lai	775	775	100,00%	775	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%		0,00%	0,00%
	Xã Krông Jing	2.651	2.651	100,00%	2.650	99,96%	99,96%	1	0,04%	0,04%		0,00%	0,00%
48	XÃ EA RIÊNG	3.742	3.649	97,51%	3.643	97,35%	99,84%	6	0,16%	0,16%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Riêng	1.731	1.697	98,04%	1.694	97,86%	99,82%	3	0,17%	0,18%		0,00%	0,00%
	Xã Ea H'Mlay	885	826	93,33%	825	93,22%	99,88%	1	0,11%	0,12%		0,00%	0,00%
	Xã Ea M'Doal	1.126	1.126	100,00%	1.124	99,82%	99,82%	2	0,18%	0,18%		0,00%	0,00%
49	XÃ CƯ M'TA	2.882	2.854	99,03%	2.787	96,70%	97,65%	67	2,32%	2,35%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư M'ta	1.797	1.797	100,00%	1.794	99,83%	99,83%	3	0,17%	0,17%		0,00%	0,00%
	Xã Cư Króa	1.085	1.057	97,42%	993	91,52%	93,95%	64	5,90%	6,05%		0,00%	0,00%
50	XÃ KRÔNG Á	2.267	2.230	98,37%	2.083	91,88%	93,41%	147	6,48%	6,59%	-	0,00%	0,00%
	Xã Krông Á	1.050	1.024	97,52%	930	88,57%	90,82%	94	8,95%	9,18%		0,00%	0,00%
	Xã Cư San	1.217	1.206	99,10%	1.153	94,74%	95,61%	53	4,35%	4,39%		0,00%	0,00%
51	XÃ CƯ PRAO	3.329	3.145	94,47%	3.130	94,02%	99,52%	15	0,45%	0,48%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Prao	1.598	1.448	90,61%	1.436	89,86%	99,17%	12	0,75%	0,83%		0,00%	0,00%
	Xã Ea Pìl	1.731	1.697	98,04%	1.694	97,86%	99,82%	3	0,17%	0,18%		0,00%	0,00%
52	XÃ EA TRANG	1.596	1.588	99,50%	1.588	99,50%	100,00%	0	0,00%	0,00%		0,00%	0,00%
53	XÃ HÒA SON	5.323	5.323	100,00%	5.191	97,52%	97,52%	132	2,48%	2,48%	-	0,00%	0,00%
	Xã Yang Reh	1.375	1.375	100,00%	1.330	96,73%	96,73%	45	3,27%	3,27%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Ea Trul	1.552	1.552	100,00%	1.467	94,52%	94,52%	85	5,48%	5,48%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Sơn	2.396	2.396	100,00%	2.394	99,92%	99,92%	2	0,08%	0,08%	-	0,00%	0,00%
54	XÃ DANG KANG	4.437	4.437	100,00%	4.373	98,56%	98,56%	64	1,44%	1,44%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Thành	1.548	1.548	100,00%	1.546	99,87%	99,87%	2	0,13%	0,13%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Kty	1.175	1.175	100,00%	1.155	98,30%	98,30%	20	1,70%	1,70%	-	0,00%	0,00%
	Xã Dang Kang	1.714	1.714	100,00%	1.672	97,55%	97,55%	42	2,45%	2,45%	-	0,00%	0,00%
55	XÃ KRÔNG BÔNG	4.973	4.973	100,00%	4.969	99,92%	99,92%	4	0,08%	0,08%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Krông Kmar	1.668	1.668	100,00%	1.668	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Lễ	1.596	1.596	100,00%	1.592	99,75%	99,75%	4	0,25%	0,25%	-	0,00%	0,00%
	Xã Khuê Ngọc Điền	1.709	1.709	100,00%	1.709	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
56	XÃ YANG MAO	3.274	3.274	100,00%	3.196	97,62%	97,62%	78	2,38%	2,38%	-	0,00%	0,00%
	Cư D्रăm	2.074	2.074	100,00%	2.026	97,69%	97,69%	48	2,31%	2,31%	-	0,00%	0,00%
	Xã Yang Mao	1.200	1.200	100,00%	1.170	97,50%	97,50%	30	2,50%	2,50%	-	0,00%	0,00%
57	XÃ CƯ PUI	5.173	5.173	100,00%	5.096	98,51%	98,51%	77	1,49%	1,49%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Pui	2.935	2.935	100,00%	2.935	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Phong	2.238	2.238	100,00%	2.161	96,56%	96,56%	77	3,44%	3,44%	-	0,00%	0,00%
58	XÃ LIÊN SƠN LẮK	6.254	6.202	99,17%	4.957	79,26%	79,93%	1.245	19,91%	20,07%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Liên Sơn	1.784	1.784	100,00%	1.784	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Bông Krang	1.973	1.921	97,36%	1.389	70,40%	72,31%	532	26,96%	27,69%	-	0,00%	0,00%
	Xã Yang Tao	2.497	2.497	100,00%	1.784	71,45%	71,45%	713	28,55%	28,55%	-	0,00%	0,00%
59	XÃ ĐẮK LIÊNG	5.619	5.496	97,81%	5.343	95,09%	97,22%	153	2,72%	2,78%	-	0,00%	0,00%
	Xã Buôn Tría	921	920	99,89%	913	99,13%	99,24%	7	0,76%	0,76%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Buôn Triết	2.063	1.976	95,78%	1.926	93,36%	97,47%	50	2,42%	2,53%	-	0,00%	0,00%
	Xã Đăk Liêng	2.635	2.600	98,67%	2.504	95,03%	96,31%	96	3,64%	3,69%	-	0,00%	0,00%
60	XÃ NAM KA	1.636	1.636	100,00%	1.636	100,00%	100,00%	-	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Rbin	908	908	100,00%	908	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Nam Ka	728	728	100,00%	728	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
61	XÃ ĐẮK PHOI	3.101	2.837	91,49%	2.729	88,00%	96,19%	108	3,48%	3,81%	-	0,00%	0,00%
	Xã Đăk Nuê	1.664	1.400	84,13%	1.299	78,06%	92,79%	101	6,07%	7,21%	-	0,00%	0,00%
	Xã Đăk Phoi	1.437	1.437	100,00%	1.430	99,51%	99,51%	7	0,49%	0,49%	-	0,00%	0,00%
62	XÃ KRÔNG NÔ	1.983	1.983	100,00%	1.983	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
63	XÃ EA NING	6.976	6.976	100,00%	6.933	99,38%	99,38%	43	0,62%	0,62%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Ning	2.900	2.900	100,00%	2.898	99,93%	99,93%	2	0,07%	0,07%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Hu	2.225	2.225	100,00%	2.187	98,29%	98,29%	38	1,71%	1,71%	-	0,00%	0,00%
	Xã Cư Êwi	1.851	1.851	100,00%	1.848	99,84%	99,84%	3	0,16%	0,16%	-	0,00%	0,00%
64	XÃ DRAY BẰNG	7.964	7.512	94,32%	7.506	94,25%	99,92%	6	0,08%	0,08%	-	0,00%	0,00%
	Xã Dray Bằng	2.524	2.524	100,00%	2.520	99,84%	99,84%	4	0,16%	0,16%	-	0,00%	0,00%
	Xã Hòa Hiệp	2.405	1.953	81,21%	1.953	81,21%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Thôn 2, 4, 6, 7, các buôn Ea Bhôk, Ea Kmar, Ea Mta, Ea Khit, Ea Khit A, Kô Êmông, Kô Êmông A và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số còn lại sau khi sáp nhập về xã	3.035	3.035	100,00%	3.033	99,93%	99,93%	2	0,07%	0,07%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Ea Ktur của thôn 1 xã Ea Bhók												
65	XÃ EA KTUR	10.818	10.804	99,87%	10.705	98,96%	99,08%	99	0,92%	0,92%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Tiêu	5.283	5.269	99,73%	5.260	99,56%	99,83%	9	0,17%	0,17%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Ktur	4.229	4.229	100,00%	4.229	100,00%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Thôn 3, 5, 8, 9 buôn Ea Mta A và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thôn 1, xã Ea Bhók thuộc huyện Cư Kuin	1.306	1.306	100,00%	1.216	93,11%	93,11%	90	6,89%	6,89%	-	0,00%	0,00%
66	XÃ KRÔNG ANA	10.066	10.034	99,68%	9.913	98,48%	98,79%	121	1,20%	1,21%	-	0,00%	0,00%
	Thị trấn Buôn Tráp	6.258	6.238	99,68%	6.198	99,04%	99,36%	40	0,64%	0,64%	-	0,00%	0,00%
	Xã Bình Hòa	2.013	2.013	100,00%	1.950	96,87%	96,87%	63	3,13%	3,13%	-	0,00%	0,00%
	Xã Quảng Điền	1.795	1.783	99,33%	1.765	98,33%	98,99%	18	1,00%	1,01%	-	0,00%	0,00%
67	XÃ DUR KMĂL	2.731	2.624	96,08%	2.620	95,94%	99,85%	4	0,15%	0,15%	-	0,00%	0,00%
	Xã Dur Kmäl	1.698	1.644	96,82%	1.644	96,82%	100,00%	0	0,00%	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Xã Bắng A Drênh	1.033	980	94,87%	976	94,48%	99,59%	4	0,39%	0,41%	-	0,00%	0,00%
68	XÃ EA NA	8.686	8.686	100,00%	8.480	97,63%	97,63%	206	2,37%	2,37%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Bông	3.198	3.198	100,00%	3.002	93,87%	93,87%	196	6,13%	6,13%	-	0,00%	0,00%
	Xã Ea Na	3.154	3.154	100,00%	3.150	99,87%	99,87%	4	0,13%	0,13%	-	0,00%	0,00%

TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình								
		Tổng số	Lấy ý kiến	Tỷ lệ (%)	Đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)	Ý kiến khác	Tỷ lệ so với tổng số cử tri đại diện hộ gia đình (%)	Tỷ lệ so với cử tri đại diện hộ gia đình lấy ý kiến (%)
	Xã Dray Sáp	2.334	2.334	100,00%	2.328	99,74%	99,74%	6	0,26%	0,26%	-	0,00%	0,00%

2. Số lượng đại biểu HĐND cấp xã

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	TỔNG TỈNH	4,272	3,955	92,57%	3,896	98,50 %	91,19%	59	1,50%
1	PHƯỜNG BUÔN MA THUẬT	168	157	93,45%	157	93,45%	100,00%	-	0,00%
	Phường Thành Công	35	34	97,14%	34	100,00%	97,14%	-	0,00%
	Phường Tân Tiến	39	36	92,31%	36	100,00%	92,31%	-	0,00%
	Phường Tân Thành	22	20	90,91%	20	100,00%	90,91%	-	0,00%
	Phường Tự An	20	18	90,00%	18	100,00%	90,00%	-	0,00%
	Phường Tân Lợi	23	23	100,00%	23	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Êbur	29	26	89,66%	26	100,00%	89,66%	-	0,00%
2	PHƯỜNG TÂN AN	78	69	88,46%	69	88,46%	100,00%	-	0,00%
	Phường Tân An	20	20	100,00%	20	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Tu	29	22	75,86%	22	100,00%	75,86%	-	0,00%
	Xã Hòa Thuận	29	27	93,10%	27	100,00%	93,10%	-	0,00%
3	PHƯỜNG TÂN LẬP	71	69	97,18%	69	97,18%	100,00%	-	0,00%
	Phường Tân Hòa	19	19	100,00%	19	100,00%	100,00%	-	0,00%

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	Phường Tân Lập	23	21	91,30%	21	100,00%	91,30%	-	0,00%
	Xã Hòa Thắng	29	29	100,00%	29	100,00%	100,00%	-	0,00%
4	PHƯỜNG THÀNH NHẤT	43	41	95,35%	41	95,35%	100,00%	-	0,00%
	Phường Thành Nhất	19	17	89,47%	17	100,00%	89,47%	-	0,00%
	Phường Khánh Xuân	24	24	100,00%	24	100,00%	100,00%	-	0,00%
5	PHƯỜNG EA KAO	51	51	100,00%	51	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Phường Ea Tam	22	22	100,00%	22	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Kao	29	29	100,00%	29	100,00%	100,00%	-	0,00%
6	XÃ HÒA PHÚ	80	79	98,75%	79	98,75%	100,00%	-	0,00%
	Xã Hòa Xuân	24	24	100,00%	24	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Hòa Phú	27	27	100,00%	27	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Hòa Khánh	29	28	96,55%	28	100,00%	96,55%	-	0,00%
7	PHƯỜNG BUÔN HỒ	111	102	91,89%	102	91,89%	100,00%	-	0,00%
	Phường An Bình	17	15	88,24%	15	100,00%	88,24%	-	0,00%
	Phường An Lạc	19	19	100,00%	19	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Phường Đạt Hiếu	17	17	100,00%	17	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Phường Đoàn Kết	19	17	89,47%	17	100,00%	89,47%	-	0,00%
	Phường Thiện An	19	16	84,21%	16	100,00%	84,21%	-	0,00%
	Phường Thống Nhất	20	18	90,00%	18	100,00%	90,00%	-	0,00%
8	PHƯỜNG CƯ BAO	70	66	94,29%	66	94,29%	100,00%	-	0,00%
	Phường Bình Tân	20	18	90,00%	18	100,00%	90,00%	-	0,00%
	Xã Bình Thuận	25	25	100,00%	25	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Bao	25	23	92,00%	23	100,00%	92,00%	-	0,00%
9	XÃ EA DRÔNG	60	50	83,33%	50	83,33%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Drông	37	31	83,78%	31	100,00%	83,78%	-	0,00%
	Xã Ea Siên	23	19	82,61%	19	100,00%	82,61%	-	0,00%

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
10	XÃ EA SÚP	70	61	87,14%	61	87,14%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Ea Súp	27	23	85,19%	23	100,00%	85,19%	-	0,00%
	Xã Cư M' Lan	20	15	75,00%	15	100,00%	75,00%	-	0,00%
	Xã Ea Lê	23	23	100,00%	23	100,00%	100,00%	-	0,00%
11	XÃ EA RÓK	63	57	90,48%	57	90,48%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Kbang	22	21	95,45%	21	100,00%	95,45%	-	0,00%
	Xã Ea Rók	21	17	80,95%	17	100,00%	80,95%	-	0,00%
	Xã Ia JLoi	20	19	95,00%	19	100,00%	95,00%	-	0,00%
12	XÃ EA BUNG	34	30	88,24%	30	88,24%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Bung	18	18	100,00%	18	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ya Tờ Mót	16	12	75,00%	12	100,00%	75,00%	-	0,00%
13	XÃ IA RVÊ	20	17	85,00%	17	100,00%	85,00%	-	0,00%
14	XÃ IA LÓP	19	17	89,47%	17	100,00%	89,47%	-	0,00%
15	XÃ EA WER	68	66	97,06%	66	97,06%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Huar	19	19	100,00%	19	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Wer	23	21	91,30%	21	100,00%	91,30%	-	0,00%
	Xã Tân Hòa	26	26	100,00%	26	100,00%	100,00%	-	0,00%
16	XÃ EA NUÔL	77	74	96,10%	74	96,10%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cuôr Knia	21	21	100,00%	21	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Bar	29	28	96,55%	28	100,00%	96,55%	-	0,00%
	Xã Ea Nuôl	27	25	92,59%	25	100,00%	92,59%	-	0,00%
17	XÃ BUÔN ĐÔN	21	19	90,48%	19	100,00%	90,48%	-	0,00%
18	XÃ EA KIẾT	47	45	95,74%	45	95,74%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Kiết	25	23	92,00%	23	100,00%	92,00%	-	0,00
	Xã Ea Kuêh	22	22	100,00%	22	100,00%	100,00%	-	0,00
19	XÃ EA M'DROH	76	69	90,79%	69	90,79%	100,00%	-	0,00%

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	Xã Ea M'Droh	25	24	96,00%	24	100,00%	96,00%	-	0,00
	Xã Quảng Hiệp	29	29	100,00%	29	100,00%	100,00%	-	0,00
	Xã Ea M'ngang	22	16	72,73%	16	100,00%	72,73%	-	0,00
20	XÃ QUẢNG PHÚ	102	95	93,14%	95	93,14%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Ea pốk	27	24	88,89%	24	100,00%	88,89%	-	0,00
	Xã Cư Suê	28	25	89,29%	25	100,00%	89,29%	-	0,00
	Xã Quảng Tiến	21	20	95,24%	20	100,00%	95,24%	-	0,00
	Thị trấn Quảng Phú	26	26	100,00%	26	100,00%	100,00%	-	0,00
21	XÃ CUÔI ĐĂNG	52	48	92,31%	48	92,31%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Drong	27	27	100,00%	27	100,00%	100,00%	-	0,00
	Xã Cuôi Đăng	25	21	84,00%	21	100,00%	84,00%	-	0,00
22	XÃ CƯ M'GAR	73	69	94,52%	69	94,52%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư M'gar	26	24	92,31%	24	100,00%	92,31%	-	0,00
	Xã Ea Kpam	21	19	90,48%	19	100,00%	90,48%	-	0,00
	Xã Ea H'đing	26	26	100,00%	26	100,00%	100,00%	-	0,00
23	XÃ EA TUL	79	76	96,20%	76	96,20%	100,00%	-	0,00%
	Ea Tar	26	25	96,15%	25	100,00%	96,15%	-	0,00
	Xã Cư Liê M'ngông	26	24	92,31%	24	100,00%	92,31%	-	0,00
	Ea Tul	27	27	100,00%	27	100,00%	100,00%	-	0,00
24	XÃ PONG DRANG	60	53	88,33%	53	88,33%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Pong Drang	26	23	88,46%	23	100,00%	88,46%	-	0,00
	Xã Tân Lập	18	17	94,44%	17	100,00%	94,44%	-	0,00
	Xã Ea Ngai	16	13	81,25%	13	100,00%	81,25%	-	0,00
25	XÃ KRÔNG BÚK	49	46	93,88%	46	93,88%	100,00%	-	0,00%
	Xã Chư Kbô	24	23	95,83%	23	100,00%	95,83%	-	0,00
	Xã Cư Né	25	23	92,00%	23	100,00%	92,00%	-	0,00

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
26	XÃ CƯ PONG	39	33	84,62%	33	84,62%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Pong	23	20	86,96%	20	100,00%	86,96%		
	Xã Ea Sin	16	13	81,25%	13	100,00%	81,25%		
27	XÃ EA KHÃL	71	65	91,55%	65	91,55%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Nam	24	21	87,5%	21	100,00%	87,5%	-	0,00%
	Xã Ea Khãl	25	22	88,00%	22	100,00%	88,00%	-	0,00%
	Xã Ea Tir	22	22	100,00%	22	100,00%	100,00%	-	0,00%
28	XÃ EA DRĂNG	81	77	95,06%	77	95,06%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Ea Drăng	28	27	96,43%	27	100,00%	96,43%	-	0,00%
	Xã Dliê Yang	25	25	100,00%	25	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Ral	28	25	89,29%	25	100,00%	89,29%	-	0,00%
29	XÃ EA WY	63	62	98,41%	62	98,41%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Mốt	23	23	100,00%	23	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Wy	20	19	95,00%	19	100,00%	95,00%	-	0,00%
	Xã Cư A Mung	20	20	100,00%	20	100,00%	100,00%	-	0,00%
30	XÃ EA H'LEO	28	25	89,29%	25	100,00%	89,29%	-	0,00%
31	XÃ EA HIAO	55	54	98,18%	54	98,18%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Hiao	27	27	100,00%	27	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Sol	28	27	96,43%	27	100,00%	96,43%	-	0,00%
32	XÃ KRÔNG NĂNG	78	75	96,15%	75	96,15%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Krông Năng	27	25	92,59%	25	100,00%	92,59%	-	0,00%
	Xã Phú Lộc	24	24	100,00%	24	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Hồ	27	26	96,30%	26	100,00%	96,30%	-	0,00%
33	XÃ DLIÊYA	79	76	96,20%	76	96,20%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Tóh	24	24	100,00%	24	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Tân	29	27	93,10%	27	100,00%	93,10%	-	0,00%

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	Xã Dliêya	26	25	96,15%	25	100,00%	96,15%	-	0,00%
34	XÃ TAM GIANG	68	63	92,65%	43	63,24%	68,25%	20	29,41%
	Xã Cư Klông	20	19	95,00%	19	100,00%	95,00%	-	0,00%
	Xã Ea Tam	26	23	88,46%	23	100,00%	88,46%	-	0,00%
	Xã Tam Giang	22	21	95,45%	1	4,76%	4,55%	20	95,24%
35	XÃ PHÚ XUÂN	70	67	95,71%	52	74,29%	77,61%	15	21,43%
	Xã Ea Púk	18	17	94,44%	2	11,76%	11,11%	15	88,24%
	Xã Ea Dăh	24	24	100,00%	24	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Phú Xuân	28	26	92,86%	26	100,00%	92,86%	-	0,00%
36	XÃ KRÔNG PẮC	104	94	90,38%	94	90,38%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Phước An	28	27	96,43%	27	100,00%	96,43%	-	0,00
	Xã Ea Yông	30	24	80,00%	24	100,00%	80,00%	-	0,00
	Xã Hòa An	24	22	91,67%	22	100,00%	91,67%	-	0,00
	Xã Hòa Tiến	22	21	95,45%	21	100,00%	95,45%	-	0,00
37	XÃ EA KNUẾC	82	76	92,68%	76	92,68%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Knuéc	28	26	92,86%	26	100,00%	92,86%	-	0,00
	Xã Hòa Đông	28	26	92,86%	26	100,00%	92,86%	-	0,00
	Xã Ea Kênh	26	24	92,31%	24	100,00%	92,31%	-	0,00
38	XÃ TÂN TIẾN	70	67	95,71%	67	95,71%	100,00%	-	0,00%
	Xã Tân Tiến	25	25	100,00%	25	100,00%	100,00%	-	0,00
	Xã Ea Uy	22	20	90,91%	20	100,00%	90,91%	-	0,00
	Xã Yiêng	23	22	95,65%	22	100,00%	95,65%	-	0,00
39	XÃ EA PHÊ	76	71	93,42%	71	93,42%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Kuảng	25	24	96,00%	24	100,00%	96,00%	-	0,00
	Xã Ea Hiu	22	20	90,91%	20	100,00%	90,91%	-	0,00
	Xã Ea Phê	29	27	93,10%	27	100,00%	93,10%	-	0,00

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
40	XÃ EA KLY	58	53	91,38%	53	91,38%	100,00%	-	0,00%
	Xã Krông Búk	30	28	93,33%	28	100,00%	93,33%	-	0,00
	Xã Ea Kly	28	25	89,29%	25	100,00%	89,29%	-	0,00
41	XÃ BỤ BỒN	28	24	85,71%	24	100,00%	85,71%	-	0,00
42	XÃ EA KAR	156	145	92,95%	145	92,95%	100,00%	-	0,00%
	Xã Xuân Phú	22	22	100,00%	22	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Đar	29	28	96,55%	28	100,00%	96,55%	-	0,00%
	Xã Cư Huê	25	21	84,00%	21	100,00%	84,00%	-	0,00%
	Thị trấn Ea Kar	25	22	88,00%	22	100,00%	88,00%	-	0,00%
	Xã Cư Ni	29	28	96,55%	28	100,00%	96,55%	-	0,00%
	Xã Ea Kmút	26	24	92,31%	24	100,00%	92,31%	-	0,00%
43	XÃ EA Ô	44	37	84,09%	37	84,09%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Ô	22	20	90,91%	20	100,00%	90,91%	-	0,00%
	Xã Cư Elang	22	17	77,27%	17	100,00%	77,27%	-	0,00%
44	XÃ EA KNÓP	91	82	90,11%	58	63,74%	70,73%	24	26,37%
	Thị trấn Ea Knốp	25	22	88,00%	22	100,00%	88,00%	-	0,00%
	Xã Ea Sô	19	15	78,95%	11	73,33%	57,89%	4	26,67%
	Xã Ea Tih	25	25	100,00%	25	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Sar	22	20	90,91%	-	0,00%	0,00%	20	100,00%
45	XÃ CƯN YANG	46	44	95,65%	44	95,65%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Yang	23	23	100,00%	23	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Bông	23	21	91,30%	21	100,00%	91,30%	-	0,00%
46	XÃ EA PĂL	43	39	90,70%	39	90,70%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Prông	20	18	90,00%	18	100,00%	90,00%	-	0,00%
	Xã Ea Păl	23	21	91,30%	21	100,00%	91,30%	-	0,00%
47	XÃ M'ĐĂK	60	55	91,67%	55	91,67%	100,00%	-	0,00%

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	Thị trấn M'Đrăk	21	20	95,24%	20	100,00%	95,24%	-	0,00%
	Xã Ea Lai	17	17	100,00%	17	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Krông Jing	22	18	81,82%	18	100,00%	81,82%	-	0,00%
48	XÃ EA RIÊNG	59	58	98,31%	58	98,31%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Riêng	20	20	100,00%	20	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea H'Mlay	19	19	100,00%	19	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea M'Doal	20	19	95,00%	19	100,00%	95,00%	-	0,00%
49	XÃ CƯ M'TA	42	38	90,48%	38	90,48%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư M'ta	24	21	87,50%	21	100,00%	87,50%	-	0,00%
	Xã Cư Króa	18	17	94,44%	17	100,00%	94,44%	-	0,00%
50	XÃ KRÔNG Á	39	32	82,05%	32	82,05%	100,00%	-	0,00%
	Xã Krông Á	19	17	89,47%	17	100,00%	89,47%	-	0,00%
	Xã Cư San	20	15	75,00%	15	100,00%	75,00%	-	0,00%
51	XÃ CƯ PRAO	40	39	97,50%	39	97,50%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Prao	20	19	95,00%	19	100,00%	95,00%	-	0,00%
	Xã Ea Pil	20	20	100,00%	20	100,00%	100,00%	-	0,00%
52	XÃ EA TRANG	18	16	88,89%	16	100,00%	88,89%	-	0,00%
53	XÃ HÒA SƠN	67	61	91,04%	61	91,04%	100,00%	-	0,00%
	Xã Yang Reh	22	17	77,27%	17	100,00%	77,27%	-	0,00
	Xã Ea Trul	20	20	100,00%	20	100,00%	100,00%	-	0,00
	Xã Hòa Sơn	25	24	96,00%	24	100,00%	96,00%	-	0,00
54	XÃ DANG KANG	83	79	95,18%	79	95,18%	100,00%	-	0,00%
	Xã Hòa Thành	37	37	100,00%	37	100,00%	100,00%	-	0,00
	Xã Cư Kty	22	20	90,91%	20	100,00%	90,91%	-	0,00
	Xã Dang Kang	24	22	91,67%	22	100,00%	91,67%	-	0,00
55	XÃ KRÔNG BÔNG	66	59	89,39%	59	89,39%	100,00%	-	0,00%

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	Thị trấn Krông Kmar	23	22	95,65%	22	100,00%	95,65%	-	0,00
	Xã Hòa Lễ	22	18	81,82%	18	100,00%	81,82%	-	0,00
	Xã Khuê Ngọc Điền	21	19	90,48%	19	100,00%	90,48%	-	0,00
56	XÃ YANG MAO	48	40	83,33%	40	83,33%	100,00%	-	0,00%
	Cư Drăm	26	21	80,77%	21	100,00%	80,77%	-	0,00
	Xã Yang Mao	22	19	86,36%	19	100,00%	86,36%	-	0,00
57	XÃ CƯ PUI	55	52	94,55%	52	94,55%	100,00%	-	0,00%
	Xã Cư Pui	30	28	93,33%	28	100,00%	93,33%	-	0,00
	Xã Hòa Phong	25	24	96,00%	24	100,00%	96,00%	-	0,00
58	XÃ LIÊN SƠN LẮK	65	60	92,31%	60	92,31%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Liên Sơn	22	21	95,45%	21	100,00%	95,45%	-	0,00
	Xã Bông Krang	21	19	90,48%	19	100,00%	90,48%	-	0,00
	Xã Yang Tao	22	20	90,91%	20	100,00%	90,91%	-	0,00
59	XÃ ĐẮK LIÊNG	66	60	90,91%	60	90,91%	100,00%	-	0,00%
	Xã Buôn Tría	18	15	83,33%	15	100,00%	83,33%	-	0,00
	Xã Buôn Triết	22	19	86,36%	19	100,00%	86,36%	-	0,00
	Xã Đắc Liêng	26	26	100,00%	26	100,00%	100,00%	-	0,00
60	XÃ NAM KA	37	33	89,19%	33	89,19%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Rbin	20	18	90,00%	18	100,00%	90,00%	-	0,00
	Xã Nam Ka	17	15	88,24%	15	100,00%	88,24%	-	0,00
61	XÃ ĐẮK PHOI	43	37	86,05%	37	86,05%	100,00%	-	0,00%
	Xã Đắc Nuê	22	17	77,27%	17	100,00%	77,27%	-	0,00
	Xã Đắc Phoi	21	20	95,24%	20	100,00%	95,24%	-	0,00
62	XÃ KRÔNG NÔ	25	20	80,00%	20	100,00%	80,00%	-	0,00
63	XÃ EA NING	72	68	94,44%	68	94,44%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Ning	26	26	100,00%	26	100,00%	100,00%	-	0,00

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	Xã Ea Hu	23	22	95,65%	22	100,00%	95,65%	-	0,00
	Xã Cư Êwi	23	20	86,96%	20	100,00%	86,96%	-	0,00
64	XÃ DRAY BHẮNG	77	72	93,51%	72	93,51%	100,00%	-	0,00%
	Xã Dray Bhăng	26	26	100,00%	26	100,00%	100,00%	-	0,00
	Xã Hòa Hiệp	24	21	87,50%	21	100,00%	87,50%	-	0,00
	Thôn 2, 4, 6, 7, các buôn Ea Bhok, Ea Kmar, Ea Mta, Ea Khit, Ea Khit A, Kô Êmông, Kô Êmông A và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số còn lại sau khi sáp nhập về xã Ea Ktur của thôn 1 xã Ea Bhok	27	25	92,59%	25	100,00%	92,59%	-	0,00
65	XÃ EA KTUR	77	69	89,61%	69	89,61%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Tiêu	25	24	96,00%	24	100,00%	96,00%	-	0,00
	Xã Ea Ktur	25	20	80,00%	20	100,00%	80,00%	-	0,00
	Thôn 3, 5, 8, 9 buôn Ea Mta A và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thôn 1, xã Ea Bhok thuộc huyện Cư Kuin	27	25	92,59%	25	100,00%	92,59%	-	0,00
66	XÃ KRÔNG ANA	72	66	91,67%	66	91,67%	100,00%	-	0,00%
	Thị trấn Buôn Tráp	29	27	93,10%	27	100,00%	93,10%	-	0,00
	Xã Bình Hòa	23	22	95,65%	22	100,00%	95,65%	-	0,00
	Xã Quảng Điền	20	17	85,00%	17	100,00%	85,00%	-	0,00
67	XÃ DUR KMĂL	41	41	100,00%	41	100,00%	100,00%	-	0,00%
	Xã Dur Kmal	23	23	100,00%	23	100,00%	100,00%	-	0,00
	Xã Băng A Drênh	18	18	100,00%	18	100,00%	100,00%	-	0,00

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI SẮP XẾP	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB dự họp)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
68	XÃ EA NA	75	70	93,33%	70	93,33%	100,00%	-	0,00%
	Xã Ea Bông	25	24	96,00%	24	100,00%	96,00%	-	0,00
	Xã Ea Na	26	22	84,62%	22	100,00%	84,62%	-	0,00
	Xã Dray Sáp	24	24	100,00%	24	100,00%	100,00%	-	0,00

3. Số đại biểu HĐND cấp huyện

STT	Đơn vị	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB dự họp)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB HĐND)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	456	408	89,47%	407	99,75%	89,25%	1	0,25%
1	TP. Buôn Ma Thuột	35	27	77,14%	27	100,00%	77,14%	-	0,00%
2	thị xã Buôn Hồ	28	28	100,00%	28	100,00%	100,00%	-	0,00%
3	Huyện Ea Súp	29	26	89,66%	26	100,00%	89,66%	-	0,00%
4	Huyện Buôn Đôn	26	26	100,00%	26	100,00%	100,00%	-	0,00%
5	Huyện M'Đrắk	32	28	87,50%	28	100,00%	87,50%	-	0,00%
6	Huyện Krông Ana	31	26	83,87%	26	100,00%	83,87%	-	0,00%
7	Huyện Ea Hleo	32	29	90,63%	29	100,00%	90,63%	-	0,00%
8	Huyện Krông Năng	30	28	93,33%	28	100,00%	93,33%	-	0,00%
9	Huyện Ea Kar	33	30	90,91%	29	96,67%	87,88%	1	3,33%
10	Huyện Krông Búk	26	23	88,46%	23	100,00%	88,46%	-	0,00
11	Huyện Lắk	28	27	96,43%	27	100,00%	96,43%	-	0,00
12	Huyện Cư M'gar	28	27	96,43%	27	100,00%	96,43%	-	0,00
13	Huyện Krông Pắc	31	23	74,19%	23	100,00%	74,19%	-	0,00
14	Huyện Cư Kuin	33	31	93,94%	31	100,00%	93,94%	-	0,00
15	Huyện Krông Bông	34	29	85,29%	29	100,00%	85,29%	-	0,00

4. Số đại biểu HĐND cấp tỉnh

STT	Đơn vị	Số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ (% trên ĐB dự họp)	Tỷ lệ (% trên tổng số ĐB HĐND)	Số đại biểu dự họp không đồng ý	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	74	69	93,24%	69	100%	93,24%	0	